

CÔNG TÁC XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
GIẢI ĐOẠN 2010-2015 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020
(Trích Đề án phát triển của trường ĐHKTCN giai đoạn 2010-2015
và tầm nhìn đến năm 2020)

I. Đặt vấn đề:

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái nguyên được thành lập năm 1965, được quy hoạch xây dựng trên diện tích đất 50 ha, đóng trên địa bàn Phường Tích lương - thành phố Thái Nguyên - trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh miền núi phía bắc. Nhà trường có vị trí giao thông đặc biệt thuận lợi khi nằm cạnh đường quốc lộ 3, tuyến đường nối liền thủ đô Hà nội với các tỉnh phía bắc.

Sau 50 năm xây dựng và phát triển, trong thời kỳ khó khăn chung của đất nước trường Đại học kỹ thuật công nghiệp chưa được đầu tư đúng mức, khi đất nước bắt đầu thời kỳ mở cửa hội nhập phát triển thì mất hơn 10 năm nhà trường không được nằm trong quy hoạch của Đại học Thái Nguyên do vậy, sự thiếu hụt về đầu tư là không thể tránh khỏi, ảnh hưởng đến vai trò, vị trí và sự phát triển của trường Đại học kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên, tuy nhiên bằng sự cố gắng nỗ lực, huy động mọi nguồn vốn và sức lao động của các thế hệ cán bộ, giáo viên và HSSV, tiết kiệm mọi nguồn kinh phí đặc biệt kinh phí học phí, đến nay Nhà trường đã xây dựng được 8700 m² phòng học; 9.934 m² nhà làm việc; 3.855 m² phòng thí nghiệm và thực hành với đầy đủ các thiết bị thí nghiệm thực hành hiện đại; 5.389 m² ký túc xá; 1676 m² thư viện; 1200 m² nhà ăn; 198 m² Nhà Trạm xá; 8.000 m² sân giáo dục thể chất.

Tuy nhiên, so với sự tăng trưởng về số lượng sinh viên hàng năm và nhu cầu nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH của nhà trường thì cơ sở vật chất trên không thể đáp ứng được, các giảng đường hiện tại đều quá tải, một số giảng đường học cấp IV đã xuống cấp nghiêm trọng. Với quy mô đào tạo đến năm 2015 là hơn 10.000 sinh viên và đến năm 2020 số sinh viên chính quy là 12.000, thì việc đầu tư thêm cơ sở vật chất là nhu cầu bức thiết. Mặt khác để đáp ứng được việc nâng cao chất lượng đào tạo và đổi mới phương pháp dạy học thì cần thiết phải có những giảng đường chuyên dụng (có các giảng đường rộng cho học tập trung và các giảng đường riêng cho thảo luận) được trang bị các thiết bị hỗ trợ giảng dạy phù hợp, đặc biệt là đối với đào tạo chuyên ngành có những yêu cầu riêng. Thiết bị phục vụ đào tạo cần được đầu tư theo hướng nghiên cứu chuyên ngành, nghiên cứu theo chiều sâu để có được những kết quả nghiên cứu có hàm lượng khoa học cao. So với các yêu cầu trên thì cơ sở vật chất hiện có của nhà trường chưa thoả mãn được yêu cầu đó.

II. Mục tiêu đầu tư

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Tập trung mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của Đại học Kỹ thuật Công nghiệp theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, phấn đấu ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực.

2.2. Các mục tiêu cụ thể:

Giai đoạn 2010 -2015:

- Từ 2010 - 2015 hoàn thiện cơ bản về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng quy mô đào tạo 10.000 sv và 450 giáo viên.
- Đảm bảo cơ sở vật chất kỹ thuật để nâng cao chất lượng các ngành đào tạo hiện có;
- Đảm bảo cơ sở vật chất kỹ thuật thực hiện các chương trình đào tạo tiên tiến và đào tạo liên kết quốc tế;
- Đảm bảo cơ sở vật chất kỹ thuật cho đào tạo cao học và đào tạo tiến sĩ, phục vụ nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ;
- Cải tạo, hoàn thiện một phần hệ thống kỹ thuật hạ tầng và tiện ích công cộng trong khu vực trường đại học theo qui hoạch.
- Năm 2015 cơ sở vật chất kỹ thuật của Nhà trường đạt ngang tầm các trường đại học hàng đầu của Việt Nam,

Giai đoạn 2016-2020:

- Từ 2016 - 2020 hoàn thiện cơ bản về xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng quy mô đào tạo 12.000 sv và 600 giáo viên;
- Năm 2020 cơ sở vật chất kỹ thuật của Nhà trường đạt ngang tầm các đại học có uy tín ở Đông Nam Á, đáp ứng được nhu cầu nhiều người nước ngoài đến học tập, phát triển các loại hình dịch vụ giáo dục;
- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống kỹ thuật hạ tầng và tiện ích công cộng trong khu vực trường đại học theo qui hoạch.

III. Các cơ sở để xác định quy mô đầu tư

3.1. Xây dựng cơ sở vật chất trên cơ sở hình thành một số đơn vị đào tạo mới và tăng cường đội ngũ CBGD, nghiên cứu khoa học và phục vụ đào tạo.

+ Hình thành một số đơn vị mới:

Quy mô bộ môn chuyên môn dự kiến đến năm 2020 là: 35 bộ môn.

* Quy mô các khoa chuyên môn dự kiến đến năm 2020 là: 10

* Quy mô các trung tâm dự kiến đến năm 2020 là: 5

* Quy mô các viện nghiên cứu dự kiến đến năm 2020 là: 1

+ Quy mô đội ngũ CBGD, nghiên cứu khoa học và phục vụ đào tạo:

* Quy mô giáo viên dự kiến đến năm 2015: 500 GV.

* Quy mô Giáo viên dự kiến đến năm 2020: 600 GV.

Việc hình thành và phát triển tổ chức bộ máy cùng với việc bổ sung tăng cường đội ngũ cán bộ (đến năm 2020, đội ngũ cán bộ viên chức là 800, trong đó cán bộ giảng dạy là 600 người) là cơ sở quan trọng để hình thành các nội dung trong xây dựng cơ sở vật chất.

3.2. Xây dựng cơ sở vật chất dựa trên cơ sở quy mô đào tạo

+ Quy mô sinh viên dự kiến đến năm 2015 là: 10.000 sinh viên.

+ Quy mô sinh viên dự kiến đến năm 2020 là: 12.000 sinh viên.

Kế hoạch phát triển quy mô đào tạo của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở quan trọng để xác định các nội dung trong xây dựng cơ sở vật chất nhằm đáp ứng việc học tập, sinh hoạt cho học sinh sinh viên.

3.3. Xây dựng cơ sở vật chất dựa trên tiêu chuẩn định mức của Nhà nước

- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính Phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình;

- Quyết định số 47/2001/QĐ-TTg ngày 04/04/2001 của Thủ tướng Chính phủ, đã quy định tiêu chuẩn xây dựng cơ bản trong trường Đại học như sau: Diện tích tối thiểu dành cho khu làm việc, giảng đường, phòng thí nghiệm là 06m²/1 sinh viên và diện tích chỗ ở là 03 m²/sinh viên.

- Quyết định số 155/2005/QĐ-TTg ngày 23/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án chỗ ở cho sinh viên đến năm 2010;

- QĐ 14/2008/QĐ-BXD ngày 30/10/2008 ban hành thiết kế điển hình ký túc xá sinh viên;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3981-1985 của Bộ Xây dựng về tiêu chuẩn thiết kế trường đại học.

- Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình ;

- Đơn giá xây dựng cơ bản ban hành kèm theo Quyết định số 2279/QĐ-UB ngày 16 tháng 10 năm 2006 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Đơn giá XDCT- Quyết định số 65/2011/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên;

- Quyết định số 2904/QĐ-UBND 25/12/2006 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên;

- Căn cứ giá thực tế tại thời điểm đối với các công trình cấp II, cấp III là từ 4.500.000 đ - 5.000.000 đ/m² sàn xây dựng.

3.4. Căn cứ thực trạng và các cơ sở xác định quy mô đầu tư nêu trên cho thấy nhu cầu cần thiết đầu tư đến năm 2020 các hạng mục cơ bản như sau:

Ký túc xá (m2):

Năm kế hoạch	Số sinh viên	Tiêu chuẩn 4,0 m ² /sv /0,6 x 60%	Sinh viên x Tiêu chuẩn	Hiện có (m ²)	Cần thêm theo KH (m ²)	Ghi chú
Năm 2015	10.000	4,00	40.000	19.000	21.000	
Năm 2020	12.000	4,00	48.000		8.000	
Cộng:					29.000	

Phòng thí nghiệm (m2):

Năm kế hoạch	Số sinh viên	Hiện có(m ²)	Cần thêm theo KH (m ²)	Ghi chú
Năm 2015	10.000	4.931		
Năm 2020	12.000		2.000	
Cộng:			2.000	

Hội trường lớn(chỗ ngồi):

Năm kế hoạch	Số sinh viên	Hiện có (chỗ ngồi)	Cần thêm theo KH (chỗ ngồi)	Ghi chú
Năm 2015	10.000	300		
Năm 2020	12.000		1.000	

Thư viện nghiên cứu (m2):

Năm kế hoạch	Số sinh viên	Tiêu chuẩn 1,8 m ² /độc giả x30%	Sinh viên x Tiêu chuẩn (m ²)	Hiện có (m ²)	Cần thêm theo KH (m ²)	Ghi chú
Năm 2015	10.000	0,54	5.400	3.476		
Năm 2020	12.000	0,54	6.480		3.000	
Các diện tích phục vụ khác: (phòng mượn, kho sách, phòng máy.....)					2.000	
Cộng:					5.000	

IV. Kế hoạch đầu tư

4.1. Kế hoạch xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị chi tiết trong giai đoạn 2010-2015.

TT	Nội dung	Thực trạng năm 2010	Kế hoạch 2010-2015	Kinh phí dự kiến (Tỷ đồng)
1	Xây dựng cơ bản			
	- Hội trường lớn (chỗ ngồi)		1.000	35,0

4.2. Kế hoạch xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị chi tiết trong giai đoạn 2016-2020.

TT	Nội dung	Thực trạng năm 2010	Kế hoạch 2016 – 2020	Kinh phí dự kiến (Tỷ đồng)
1	Xây dựng cơ bản			
	- Ký túc xá (m ²)	19.000	16.000	80
	- Phòng thí nghiệm (m ²)	4.931	2.000	12
	- Thư viện (m ²)	3.476	5.000	38
2.	Giải phóng mặt bằng (ha)	0	2,5	12,5
	Cộng:			142,5

3.	Mua sắm thiết bị			
	Thiết bị thí nghiệm, nghiên cứu			23
	Cộng:			23

Tổng cộng = 200,5 Tỷ đồng

V. Giải pháp

- Đổi mới phương thức quản lý và phân bổ ngân sách, đảm bảo công tác lập kế hoạch và dự toán ngân sách đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, trong đó đặc biệt chú trọng kế hoạch được phê duyệt theo đặc thù chuyên ngành, các mục tiêu ưu tiên và các giải pháp tạo bước đột phá về chất lượng đào tạo và NCKH.
- Triển khai mạnh mẽ các giải pháp tăng nguồn thu bổ sung: Xây dựng chế độ học phí, học bổng theo đặc thù và chất lượng của các chương trình đào tạo (đào tạo chính quy, không chính quy; đào tạo chất lượng cao; đào tạo quốc tế...);

- Đẩy mạnh liên kết đào tạo (trong nước, quốc tế);
- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và dịch vụ KH-CN; phát triển Công ty TNHH trong trường đại học;
- Tổ chức xây dựng và thực hiện các đề tài, dự án, nhiệm vụ KH-CN lớn có tầm cỡ quốc gia, quốc tế;
- Đẩy mạnh huy động các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- Nghiên cứu thành lập các quỹ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu dành cho cán bộ, sinh viên... Có chính sách, chế độ khuyến khích thoả đáng đối với các tập thể, cá nhân có đóng góp hiệu quả làm tăng nguồn thu bổ sung cho Nhà trường.
- Tập trung mọi nguồn lực từ NSNN và nguồn vốn tài trợ, viện trợ, các nguồn vốn hợp pháp khác.